



Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2017

**HƯỚNG DẪN VỀ NỘI DUNG, HÌNH THỨC
KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG
VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO**

*(Kèm theo Công văn số: 1582/BTP-HĐKT ngày 11 tháng 5 năm 2017
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai)*

I. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. Nội dung kiểm tra

a) Các quy định pháp luật về công chứng, chứng thực, trong đó lưu ý các vấn đề sau:

- Một số quy định chung: Nguyên tắc hành nghề công chứng; chức năng xã hội của công chứng viên; giá trị pháp lý của văn bản công chứng; các hành vi bị nghiêm cấm...

- Tiêu chuẩn công chứng viên; quyền và nghĩa vụ của công chứng viên.

- Quy định về việc thành lập tổ chức hành nghề công chứng; đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; quyền và nghĩa vụ của tổ chức hành nghề công chứng...

- Đăng ký hành nghề công chứng; bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên; bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động công chứng...

- Thủ tục chung về công chứng hợp đồng, giao dịch; thủ tục công chứng một số hợp đồng, giao dịch; công chứng bản dịch; nhận lưu giữ di chúc; cấp bản sao văn bản công chứng.

- Phí công chứng, thù lao công chứng và chi phí khác.

- Các cơ quan quản lý nhà nước về công chứng và thẩm quyền của từng cơ quan.

- Xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động công chứng; nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong hoạt động công chứng.

- Thẩm quyền, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công chứng viên trong thực hiện chứng thực; thời hạn chứng thực.

- Lưu trữ và khai thác hồ sơ công chứng.

b) Các kỹ năng hành nghề công chứng, trong đó lưu ý:

- Các kỹ năng: Tiếp nhận, phân loại yêu cầu công chứng, kiểm tra tính xác thực, tính hợp pháp của các giấy tờ có trong hồ sơ yêu cầu công chứng; nhận dạng chủ thể, năng lực hành vi dân sự của người tham gia ký kết hợp đồng, giao dịch.

- Kỹ năng ứng xử của công chứng viên theo Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng; lý do từ chối yêu cầu công chứng.

- Kỹ năng nghiên cứu và đề xuất hướng giải quyết hồ sơ yêu cầu công chứng.

- Kỹ năng soạn thảo hợp đồng, giao dịch; kiểm tra tính hợp pháp của dự thảo hợp đồng, giao dịch do người yêu cầu công chứng soạn thảo sẵn; kỹ năng thực hiện xác minh các vấn đề liên quan đến hồ sơ yêu cầu công chứng.

- Kỹ năng công chứng bản dịch; chứng thực bản sao, chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản.

- Kỹ năng soạn thảo lời chứng hợp đồng, giao dịch (xử lý tình huống cụ thể).

2. Hình thức kiểm tra

a) Bài kiểm tra viết

- Bài kiểm tra viết về pháp luật công chứng, chứng thực, quy tắc đạo đức hành nghề công chứng và kỹ năng hành nghề công chứng.

Cơ cấu bài kiểm tra viết gồm hai phần:

+ Pháp luật công chứng, chứng thực và quy tắc đạo đức hành nghề công chứng. Phần này đánh giá thí sinh thông qua các câu hỏi tự luận (đặt câu hỏi và yêu cầu phân tích hoặc nêu tình huống và giải quyết tình huống) hoặc câu hỏi trắc nghiệm.

+ Kỹ năng hành nghề công chứng nhằm đánh giá trình độ của thí sinh thông qua việc giải quyết tình huống giả định và các câu hỏi xung quanh tình huống đó.

+ Soạn thảo nội dung cơ bản hoàn chỉnh của một văn bản công chứng.

Khi làm bài kiểm tra viết, các thí sinh được sử dụng văn bản quy phạm pháp luật (văn bản chỉ gồm nội dung các quy phạm pháp luật, không có nội dung bình luận, giải thích hoặc nội dung khác kèm theo), trừ Thông tư số 11/2012/TT-BTP ban hành Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng và các Mẫu hợp đồng,

giao dịch.

- Thời gian làm bài: 180 phút.

b) Bài kiểm tra vấn đáp

- Thí sinh trả lời các câu hỏi nhằm giải quyết một tình huống yêu cầu công chứng cụ thể. Các giám khảo sẽ đặt ra một số câu hỏi có liên quan đến tình huống hoặc về pháp luật công chứng, chứng thực, đạo đức hành nghề công chứng, kỹ năng hành nghề công chứng. Trong phần này, thí sinh sẽ không phải soạn thảo văn bản công chứng cụ thể.

- Thời gian kiểm tra ước tính khoảng 20 - 30 phút cho mỗi thí sinh.

II. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ GỢI Ý TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các quy định pháp luật về dân sự, hôn nhân gia đình, đất đai/nhà ở/xây dựng, trong đó lưu ý:

- Quy định về quyền sở hữu tài sản: Nội dung quyền sở hữu, các hình thức sở hữu, xác lập/chấm dứt quyền sở hữu; quy định cách xác định chủ thể cơ bản theo pháp luật dân sự.

- Quy định về hợp đồng, giao dịch; chú ý một số loại hợp đồng thông dụng như hợp đồng mua bán tài sản/chuyển quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp tài sản, thế chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng ủy quyền, hợp đồng tặng cho tài sản, hợp đồng thuê tài sản...

- Quy định về đại diện, giám hộ: Người đại diện, giám hộ; người được đại diện, được giám hộ; phạm vi đại diện, giám hộ, quyền và nghĩa vụ của từng chủ thể (đại diện hoặc giám hộ).

- Quy định về chế độ tài sản chung, tài sản riêng của vợ và chồng.

- Quy định về thừa kế.

- Quy định về đất đai: Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; thời điểm được thực hiện quyền của người sử dụng đất; điều kiện của đất đai để được tham gia giao dịch, điều kiện của các bên tham gia giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất; đăng ký quyền sử dụng đất.

- Quy định về nhà ở: Điều kiện được công nhận quyền sở hữu nhà ở; quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà ở; điều kiện của nhà ở để được tham gia giao dịch, điều kiện của các bên tham gia giao dịch về nhà ở; đăng ký quyền sở hữu nhà; thời điểm có hiệu lực của hợp đồng công chứng về nhà ở.

- Quy định về cách thức xác định thẩm quyền công chứng hợp đồng, giao dịch.

- Quy định chung về điều kiện (chủ thể và tài sản) để tham gia giao dịch bảo đảm và đăng ký giao dịch bảo đảm; các trường hợp phải đăng ký giao dịch bảo đảm;

2. Gợi ý tài liệu tham khảo

- Luật công chứng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng;
- Bộ luật dân sự năm năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành, đặc biệt là những quy định mới so với Bộ luật dân sự năm 2005;
- Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Nhà ở năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Hộ tịch năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Xây dựng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp; Luật Hợp tác xã; Luật Kinh doanh bất động sản.
- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;
- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP; Nghị định số 183/2010/NĐ-CP về đăng ký giao dịch bảo đảm và Nghị định số 05/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 183/2010/NĐ-CP;
- Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã và Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 110/2013/NĐ-CP
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến công chứng, chứng thực.